TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 292/2018/QĐST-DS	*Thành phố Huế, ngày 01 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 66/2013/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2013.

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đình T và bà Hàng Thị Ngọc C phải trả số tiền nợ gốc cho vợ chồng bà là 1.700.000.000đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng). Nhưng tại phiên hòa giải ngày 21/9/2018, nguyên đơn đã rút một phần nợ gốc 1.200.000.000đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng), chỉ yêu cầu bị đơn là bà Hàng Thị Ngọc C trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc là: 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn), còn ông Nguyễn Đình T không liên quan gì đến việc trả nợ.

XÉT THẤY:

Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên cần chấp nhận. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút, nguyên đơn không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đã rút. Nên các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh B, sinh năm 1960;

Địa chỉ: 66 đường H, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Bà Hàng Thị Ngọc C, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 4A đường Đ, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Quý H, Luật sư của Văn phòng Luật sư B, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế;

Địa chỉ: 56 đường Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Tiến D (chồng bà B), sinh năm 1958;

Địa chỉ: 66 đường H, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Ông Nguyễn Tiến D đã ủy quyền cho bà Phạm Thị Thanh B theo Giấy ủy quyền ngày 11/8/2014).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công nhận bà Hàng Thị Ngọc C còn nợ và phải chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Phạm Thị Thanh B và Ông Nguyễn Tiến D số tiền nợ gốc: 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng).

2.2. Về phương thức và thời gian trả tiền: Bà Hàng Thị Ngọc C thỏa thuận thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Phạm Thị Thanh B và Ông Nguyễn Tiến D cụ thể như sau:

- Từ ngày 21/10/2018 đến ngày 21/4/2019, mỗi tháng bà Hàng Thị Ngọc C phải trả cho bà Phạm Thị Thanh B và Ông Nguyễn Tiến D số tiền: 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng).

- Ngày 21/5/2019 bà Hàng Thị Ngọc C phải trả cho bà Phạm Thị Thanh B và Ông Nguyễn Tiến D số tiền nợ còn lại là: 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng).

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 192, khoản 3 Điều 193 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút một phàn nợ gốc là: 1.200.000.000đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng), nguyên đơn không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đã rút.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu: 500.000.000đồng = [20.000.000.000đ + (100.000.000đ x 4%)] x 50% = 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng). Hai bên đương sự thỏa thuận mỗi bên phải chịu 50% án phí cụ thể:

- Bà Hàng Thị Ngọc C phải chịu: 12.000.000đồng x 50% = 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phạm Thị Thanh B và Ông Nguyễn Tiến D phải chịu: 12.000.000đồng x 50% = 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 15.750.000đồng mà bà Thanh Bạch đã nộp theo biên lai thu tiền số: 006375 ngày 06/5/2013 của Chi cụ thi hành án dân sự thành phố Huế. Ngay bà Phạm Thị Thanh B được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là: 9.750.000đồng (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Trọng Cẩn